



Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)

Môn Học

Kinh tế lượng căn bản (208211-09)

CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	13220004	LÊ THỊ TRƯỜNG	AN	70/38/09		7	Bảy	Tan	
2	13220005	NGUYỄN VĂN	BẦY	01/27/08		6	Sáu	Quang	
3	13220008	HUỖNH VĂN MINH	CHÁNH	80/88/04		6	Sáu	Minh	
4	13220009	NGUYỄN HOÀNG	CHON	50/88/08		6	Sáu	chon	
5	13220010	NGUYỄN NGỌC	CHUẨN	40/98/02		6	Sáu	Quang	
6	13220011	ĐẶNG VĂN	CÒN	60/17/06		6	Sáu	Con	
7	13220006	LÊ TẤN	CƯỜNG	11/26/09		6	Sáu	Tan	
8	13220007	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	40/78/04		6	Sáu	Quang	
9	13220012	LÊ HOÀNG	DANH	20/78/06		8	Tám	Quang	
10	13220001	HUỖNH HẢI	ĐĂNG	/08/07		7	Bảy	Quang	
11	13220002	MAI TRÍ	ĐĂNG	51/28/02		7	Bảy	Quang	
12	13220013	TRẦN THỊ TUYẾT	GIANG	10/99/01		8	Tám	Quang	
13	13220015	NGUYỄN MINH	HẢI	/28/03		7	Bảy	Quang	
14	13220014	NGUYỄN VĂN	HÂN	60/87/09		7	Bảy	Quang	
15	13220018	CAO MINH	HIẾU	50/67/05		7	Bảy	Quang	
16	13220019	LÊ HỒNG	HIẾU	80/17/07		7	Bảy	Quang	
17	13220021	TRẦN MINH	HOÀNG	80/68/08		7	Bảy	Quang	
18	13220016	TRẦN THỊ ÚT	HỒNG	01/28/04		7	Bảy	Quang	
19	13220022	HUỖNH THỊ THANH	HUỆ	70/67/06					✓
20	13220020	VÕ LÊ ĐẠI	HÙNG	51/28/03		7	Bảy	Quang	
21	13220032	NGUYỄN VĂN	KẾT	10/78/06		7	Bảy	Quang	
22	13220027	LÊ HOÀNG	KHANH	/68/05		7	Bảy	Quang	
23	13220028	PHÙNG QUỐC	KHANH	90/68/07		7	Bảy	Quang	
24	13220024	TRƯƠNG DUY	KHÁNH	80/38/09					✓
25	13220025	NGUYỄN HỮU	KHÔI	31/08/		7	Bảy	Quang	
26	13220029	LÊ VĂN	KHÔI	/06/05		6	Sáu	Quang	
27	13220026	NGUYỄN VĂN	KHƯƠNG	61/18/02		8	Tám	Quang	
28	13220030	LÊ ANH	KIỆT	90/98/03		7	Bảy	Quang	
29	13220031	TRẦN VĂN TUẤN	KIỆT	50/98/01		7	Bảy	Quang	
30	13220017	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAM	20/08/85		7	Bảy	Quang	
31	13220034	PHÙNG VĂN	LÂM	06/06/66		6	Sáu	Quang	
32	13220033	PHẠM MINH	LÂM	18/04/91		6	Sáu	Quang	

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)

Môn Học

Kinh tế lượng căn bản (208211-09)

CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
33	13220035	NGUYỄN CHÍ LINH		20/58/01		7	Bảy		
34	13220036	PHẠM CHÍ LINH		/08/		7	Bảy		
35	13220037	LÊ VĂN LUẬN		51/07/06		7	Bảy		
36	13220039	PHẠM CÔNG MUỘI		71/08/01		7	Bảy		
37	13220038	TRẦN VĂN MUỘI		/06/09		6	Sáu		
38	13220042	TRẦN MINH NGHĨA		20/78/04		6	Sáu		
39	13220043	TRẦN VĂN NGHĨA		10/16/09					✓
40	13220041	TRIỆU THỊ HỒNG NGỌC		70/17/09		6	Sáu		
41	13220040	ĐÀO HOÀNG NGÔ		70/26/09		6	Sáu		
42	13220044	PHẠM THẾ PHƯƠNG		11/07/08					✓
43	13220046	TRƯƠNG VĂN QUI		01/08/04		6	Sáu		
44	13220045	NGUYỄN VINH QUỐC		/07/04		6	Sáu		
45	13220047	NGUYỄN THỊ SARÂY		40/18/03		6	Sáu		
46	13220048	HỒ THỊ BÍCH SIÊNG		50/88/02		7	Bảy		
47	13220050	CHÂU THANH TÀI		91/28/05		7	Bảy		
48	13220051	TRƯƠNG HOÀNG TẤN		/08/06		6	Sáu		
49	13220055	HUỲNH DUY THANH		50/59/		7	Bảy		
50	13220053	NGUYỄN VĂN THÀNH		90/96/07		7	Bảy		
51	13220054	LÊ VĂN THÀNH		50/68/06		7	Bảy		
52	13220056	LÊ CHÍNH THUẬN		30/48/01		7	Bảy		
53	13220052	LÊ THỊ TUYẾT THƯ		60/37/09		7	Bảy		
54	13220059	TRẦN PHAN MINH TIẾN		80/38/04		7	Bảy		
55	13220060	NGUYỄN THỊ KIM TIẾNG		20/58/06		7	Bảy		
56	13220061	NGUYỄN THỊ ÁNH TIẾT		10/68/03		7	Bảy		
57	13220063	NGUYỄN THANH TOÀN		80/48/02		7	Bảy		
58	13220062	NGUYỄN VĂN TOÀN		50/59/04		6	Sáu		
59	13220064	ĐOÀN VĂN TRỌN		40/96/08		6	Sáu		
60	13220068	PHAN THANH TRÚC		21/18/01		6	Sáu		
61	13220069	LÝ MINH TRUNG		10/58/02					✓
62	13220070	NGUYỄN MINH TRUNG		40/28/02		6	Sáu		
63	13220066	NGUYỄN LÊ TRƯỜNG		70/68/03		6	Sáu		
64	13220072	LÊ ANH TUẤN		09/04/81		5	Năm		
65	13220073	LÊ THANH TUẤN		20/02/92		6	Sáu		
66	13220071	NGÔ THANH TUẤN		20/11/74		5	Năm		

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)

Môn Học

Kinh tế lượng căn bản (208211-09)

CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
67	13220058	NGÔ MINH	TÙNG	71/08/		5	Năm		
68	13220057	NGUYỄN THANH	TÙNG	80/47/09		6	Sáu		
69	13220074	PHẠM NGUYỄN	TUYÊN	30/98/		7	Bảy		
70	13220076	ĐÀO TUẤN	VŨ	10/17/06		5	Năm		
71	13220075	ĐẶNG PHÚC	VŨ	08/05/79		7	Bảy		
72	13220077	HUỖNH KIM	VUI	70/77/01		7	Bảy		
73	13220078	LÊ HỒNG	XINH	81/07/05		7	Bảy		
74	13220079	HUỖNH THỊ NHƯ	Ý	41/19/03		6	Sáu		

In Ngày 17/07/15

*69 bài
69 ts.*

Ngày 20 Tháng 07 Năm 2015

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 17/07/15

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2015

PGS.TS. Nguyễn Văn Ngai

Trần Đức Luận